

LONG NHÃN

Độ ẩm

Không được quá 11,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 4 h).

Tro toàn phần

Không được quá 6,0 % (Phụ lục 9.8). Dùng 1 g dược liệu.

Tạp chất

Không được quá 1 % (Phụ lục 12.11)

Chất chiết được trong dược liệu

Không được ít hơn 10,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng nước làm dung môi.

Chế biến

Long nha thảo sao cháy: Lấy dược liệu khô, loại bỏ tạp chất, sao tòn tính (Phụ lục 12.20) để trị các chứng chảy máu.

Bảo quản

Đề nơi khô ráo, thoáng mát.

Tính vị, quy kinh

Vị đắng, chất, tính ôn. Vào các kinh tâm, phế, can, thận.

Công năng, chủ trị

Liễm huyết, chỉ huyết, thanh tràng chỉ tả, ích khí bổ trung. Chủ trị: Ho ra máu, nôn ra máu, đại tiện ra máu, chảy máu cam, băng huyết. Ngoài ra còn dùng chữa viêm ruột, lỵ, sốt rét, tràng nhạc, ung thũng, chữa bệnh gan, mật.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng 12 g đến 20 g dược liệu khô, dạng thuốc sắc, thuốc tán. Dùng riêng, hoặc phối hợp với các vị thuốc khác. Dùng ngoài: Lấy 40 g đến 80 g lá tươi giã nát, đắp, bó để cầm máu vết thương; hoặc dùng dạng cao lỏng, bôi vào chỗ mụn nhọt sưng đau, viêm mũi trĩ, viêm tuyến vú.

LONG NHÃN

Longan Arillus

Áo hạt (cùi) của quả được làm khô của cây Nhãn (*Dimocarpus longan* Lour.), họ Bồ hòn (*Sapindaceae*). Thu hái quả đã chín vào mùa hạ và mùa thu. Tùy theo cách chế biến long nhãn sẽ có màu khác nhau.

Mô tả

Cùi quả nhãn dày mỏng không đều, dẹt, có vết rách theo thớ dọc, màu vàng cánh gián đến nâu hoặc màu vàng nhạt đến vàng, trong mờ, mặt ngoài nhẵn bóng (với long nhãn màu vàng cánh gián đến nâu) hoặc mặt ngoài nhẵn, không phẳng, mặt trong sáng bóng (với long nhãn màu vàng nhạt đến vàng), có vân dọc nhỏ, dài 1,5 cm, rộng 2 cm đến 4 cm, dày từ 0,1 cm đến 0,2 cm. Thê chất mềm nhuận, dẻo, sờ không dính tay. Mùi thơm, vị ngọt nhẹ.

Vĩ phẫu

Mặt cắt ngang: Một hàng tế bào biểu bì ngoài gồm những tế bào hình gần vuông, không rõ thành tế bào. Một hàng tế

DUỐC ĐIỂN VIỆT NAM VI

bào biểu bì trong gồm những tế bào thành hơi dày và được phủ một lớp cutin. Giữa biểu bì ngoài và biểu bì trong là những tế bào mô mềm lớn, thành mỏng, không đều nhau, bị biến dạng, kích thước từ rất bé đến 310 µm, xếp thành nhiều hàng.

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4)

Bản mỏng: Silica gel F₂₅₄ (2 - 10 µm).

Dung môi khai triển: *n*-Butanol - acid acetic (4 : 5).

Dung dịch thử: Lấy 0,5 g dược liệu đã cắt nhỏ, thêm 10 ml nước, đun sôi nhẹ trong 5 min (bù nước trong quá trình đun nếu cần), để nguội, lọc, dùng dịch lọc làm dịch chấm sắc ký.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 0,5 g Long nhãn (mẫu chuẩn), tiến hành chiết tương tự như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 1 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký đến khi dung môi đi được khoảng 8 cm, lấy bản mỏng ra để khô ở nhiệt độ phòng, phun *dung dịch vanilin - acid sulfuric (TT)*, sấy ở 100 °C đến khi hiện rõ vết. Quan sát bản mỏng dưới ánh sáng thường hoặc dưới ánh sáng tử ngoại bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 15,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 100 °C, 4 h).

Tạp chất (Phụ lục 12.11)

Tỷ lệ màu nâu sẫm không quá 5,0 % (đối với Long nhãn có màu vàng nhạt đến vàng).

Tro toàn phần

Không quá 4,0 % (Phụ lục 9.8).

Giới hạn nhiễm vi sinh vật

Đạt yêu cầu đối với thuốc uống có nguồn gốc tự nhiên (Phụ lục 13.6).

Chất chiết được trong dược liệu

Không ít hơn 70,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng nước làm dung môi.

Chế biến

Cách 1: Để nguyên chùm quả, phơi nắng to hoặc sấy ở nhiệt độ từ 60 °C đến 100 °C, thỉnh thoảng đảo đều, đến khi lắc quả có tiếng kêu lóc cóc (thời gian phơi hoặc sấy khoảng 8 h đến 10 h), bóc bỏ vỏ cứng và hạt, lấy cùi và tiếp tục sấy ở 60 °C đến 80 °C đến khi sờ không dính tay (độ ẩm dược liệu dưới 15,0 %) là đạt yêu cầu. Chú ý giữ vệ sinh khi bóc cùi và khi sấy, phơi. Chùm quả trước khi phơi hoặc sấy có thể nhúng nước sôi từ 1 min đến 2 min. Long nhãn thu được có màu cánh gián.

Cách 2: Dùng dụng cụ chuyên dụng để bóc vỏ, đầu nôm quả, bỏ hạt, bóc vỏ, lấy cùi nhãn xếp thành 1 lớp trên giàn

sấy, sấy khô ở nhiệt độ cao (khoảng 100 °C) trong 3 h đến 4 h. Tiếp tục sấy ở 80 °C đến 90 °C đến gần khô và sấy ở nhiệt độ 60 °C đến khô (sờ không dính tay, thời gian sấy khoảng 3 h đến 4 h). Long nhãn thu được có màu vàng ngà đến vàng.

Bảo quản

Trong đồ đựng kín, có lót thêm chất chống ẩm. Để nơi khô, mát, tránh mốc, mốc, để phòng dược liệu bị ẩm ướt, chua và biến màu. Thường dùng trong vòng 6 tháng kể từ ngày bào chế. Nếu Long nhãn bị mốc, chảy nhựa chuyển màu đen không được dùng.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, tính bình. Vào các kinh tâm, tỳ.

Công năng, chủ trị

Ích can, an thần, định chí, bổ tâm, bổ tỳ, bổ huyết. Chủ trị: Do lao lực nhiều, ăn ngủ kém, khí huyết hao tổn sinh chứng mất ngủ, tim hồi hộp, mệt mỏi, khí lực sút kém, da vàng.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 6 g đến 12 g. Dạng thuốc sắc hoặc làm hoàn, viên tùy theo bài thuốc. Nếu tán bột làm hoàn thì thái nhỏ long nhãn, tán với bột thuốc khác hoặc nấu như lấy nước đặc, cô với mật để luyện thuốc hoàn.

Kiêng kỵ

Ngoại cảm có hỏa uất phần huyết, các bệnh tích nước trong cơ thể không dùng.

LÔ HỘI (Nhựa)

Aloes Resina

Chất dịch đã cô đặc và được làm khô lấy từ lá cây Lô hội (chủ yếu từ *Aloe vera* L. và *Aloe ferox* Mill.), họ Lô hội (Asphodelaceae). Cắt lá cây, ép lấy chất dịch ở trong, đem cô khô để thu được các khối nhựa.

Mô tả

Khối nhựa có kích thước không đồng đều, màu nâu đen hơi ánh vàng, dễ vỡ vụn, chỗ vỡ óng ánh như thủy tinh, không có tạp chất. Mùi hơi khó chịu, vị đắng nồng.

Định tính

A. Lấy 0,5 g bột dược liệu cho vào bình nón 250 ml, thêm 50 ml nước, lắc kỹ trong 5 min. Lọc được dịch lọc A.

Lấy 5 ml dịch lọc A cho vào ống nghiệm và thêm 0,2 g *dinatri tetraborat* (TT), đun nóng đến tan. Lấy 1 ml dung dịch thu được, thêm 30 ml nước cất, lắc kỹ. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm sẽ có huỳnh quang màu vàng sáng xuất hiện.

Lấy 2 ml dịch lọc A cho vào ống nghiệm, thêm 2 ml nước bão hòa *brom* (TT), xuất hiện tủa màu vàng.

B. Lấy 0,1 g bột dược liệu cho vào bình nón dung tích 100 ml. Thêm 5 ml dung dịch sắt (III) clorid 3 % (TT) và

5 ml dung dịch acid hydrocloric 10 % (TT). Lắc đều rồi đun trên cách thủy 10 min, để nguội, thêm 15 ml ether ethylic (TT), lắc kỹ trong 1 min. Gạn lấy lớp ether và thêm 5 ml dung dịch amoniac 10 % (TT), lắc kỹ. Lớp amoniac có màu hồng tím.

C. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: Nước - ethyl acetat - methanol (13 : 100 : 17).

Dung dịch thử: Lấy 0,5 g bột dược liệu, thêm 20 ml methanol (TT), đun sôi trong cách thủy. Lắc trong vài phút, lọc.

Dung dịch chất đối chiếu: Lấy 25 mg barbaloin chuẩn, hòa tan trong methanol (TT) và pha loãng đến 10 ml với cùng dung môi.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký đến khi dung môi đi được khoảng 10 cm, lấy bản mỏng ra để khô trong không khí. Phun dung dịch kali hydroxyd 10 % trong methanol (TT). Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải không có vết phát huỳnh quang màu tím, phải cho vết có huỳnh quang tương đương về vị trí và cùng màu với vết barbaloin trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 1,000 g, 105 °C, 4 h).

Tro toàn phần

Không quá 4,0 % (Phụ lục 9.8).

Định lượng

Cân chính xác khoảng 0,4 g bột dược liệu (qua rây số 180) vào một bình nón dung tích 250 ml. Làm ẩm dược liệu với 2 ml methanol (TT) và thêm 5 ml nước cất đã đun nóng 60 °C, lắc đều. Thêm 75 ml nước và đun trong cách thủy ở 60 °C trong 30 min, thỉnh thoảng lắc. Để nguội, lọc vào bình định mức có dung tích 1000 ml, tráng bình nón và rửa giấy lọc với 20 ml nước, gộp dịch tráng và rửa vào bình định mức trên. Thêm nước tới vạch. Trộn đều. Lấy chính xác 10 ml dịch chiết trên cho vào một bình cầu có dung tích 100 ml. Thêm 1 ml dung dịch sắt (III) clorid 60 % (TT) và 6 ml acid hydrocloric (TT). Đun hồi lưu trong cách thủy 4 h. Để nguội, rồi chuyển toàn bộ dung dịch vào một bình gạn, rửa bình cầu lần lượt bằng 4 ml nước, 4 ml dung dịch natri hydroxyd 1 M (TT) và 4 ml nước. Gộp các dịch rửa vào bình gạn trên. Lắc kỹ hỗn hợp trên với ether ethylic (TT) ba lần, mỗi lần 20 ml. Gộp tất cả dịch chiết ether vào một bình gạn khác và rửa 2 lần với nước, mỗi lần 10 ml. Gạn lớp ether vào một bình định mức có dung tích 100 ml. Thêm ether ethylic (TT) tới vạch. Lấy chính xác 20 ml dung dịch ether ethylic, bốc hơi tới cạn trên cách thủy. Hòa tan cân bằng chính xác 10 ml dung dịch magnesi acetat 0,5 % trong methanol (TT). Đo độ hấp thụ ở bước sóng 512 nm (Phụ lục 4.1), dùng methanol (TT) làm mẫu trắng. Hàm lượng dẫn chất hydroxyanthracen tính theo barbaloin được tính theo công thức sau: